



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635

TELEPHONE: _____

IV#: _____

VEWL#: _____

I-171: _____ Y _____ NO

EXIT VISA #: _____

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

HO #: _____

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN THAN VINH
Last Middle First

Current Address: 46/2 Trần Bình Trọng P5 Bình Thạnh

Date of Birth: 1930 Place of Birth: Vinh Yen

Previous Occupation (before 1975) L. Colonel
(Rank & Position) US Marine

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates: From 06.15.1975 To 10.23.1984
Years: 09 Months: 04 Days: _____

3. SPONSOR'S NAME: _____
Name

Address and Telephone Number

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone Number</u>	<u>Relationship</u>
_____	_____
_____	_____
_____	_____
_____	_____

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

DATE PREPARED: _____

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : _____
 (Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
NGO . DANG . THI . BINH	07.28-1934	wife
NG . THI TUONG VY	12.21-1962	daughter
NG . THI DIEM VY	14.04-1970	"
NG . THI TRA VY	04.04 1971	"
NG . THI ANH VY	04.09-1975	"
NG . PHAM DINH HUY	1984	grand son

DEPENDENT'S ADDRESS : (if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

Mẫu số 001-QLTG/1972
hành theo công văn số
2563 ngày 27 tháng 11
năm 1972

505LD

76 5013
25 10 4

327

ngày 29 tháng 9 năm 1984

ĐỀ SỐ 73

Nguyễn Thân Viên

Sinh năm 1930

Pilot study

Vĩnh Yên

Nội dung kỹ năng khâu thường trị nước khi bị hắt

46/2 Trần Minh Trọng, Phường 5,
Binh Thạnh, TP: Hồ Chí Minh.

Cơ tị Trung tá thiết Toàn phổ.

Đi bất ngờ

35-675

Δε φησι

END

Theo cấu trúc, ăn vào số

ingly

thing

ស្រី

cu

For my 40th b-

12. *செய்து கொடுக்கப்பட்டது*

224

Mies

Đã được giảm án

Đến cùng thời

សីតុណ្ហភាព

thông

Nay vì cư trú tại 46/2 Trần Bình Trọng, phường 5, Bình Thạnh, TP HCM.

¹ Nhãn: 1. 466 tính từ cấp

Quá trình cải tạo anh Vinh có nhiều tiến bộ trong lao động, học tập và chấp hành nội quy nghiêm.

✓ - Thời hạn quản chế 12 tháng (mười hai tháng)

- Thiên ai đường đã cấp tử trại về đến gia đình.

Đường đi phải trình diện tại UBND Phường, xã:

Nói về cư trú

Trước ngày 25 tháng 10 năm 1984

Listed below are the

Chà Nguyễn Thân Vinh

Keywords: child abuse; child sexual abuse; child sexual exploitation

He then chirps

người được xếp kỷ

Ngày 23 tháng 10 năm 1984

Glenn the

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIET NAM

Date: September 12th 1991

I. BASIC INFORMATION FOR APPLICANT IN VIET NAM

1. Full name of ex political prisoner: NGUYEN THANH VINH
2. Other name: None
3. Date, Place of birth: January 1st 1930. Tam Dương. Vinh Yen
4. Position, Rank, Serial number (Before April 1975): 14th Cavalry Squadron
Commander. Lieutenant colonel. SN.50/300503
5. Month, Day, Year arrested: June 15th 1975
6. Month, Day, Year out camp: October 23rd 1984. Plus 12 Months forced residence
7. Month, Day, Year of release certificate: October 23rd 1984
8. Present mailing address of ex political prisoner:

9. Present residing address: 46/2 Tran Binh Trong P5 Q.Binh Thanh TP.Ho Chi Minh Viet Nam

II. LIST FULL NAME DATE, PLACE OF BIRTH OF EX POLITICAL PRISONER IMMEDIATE FAMILY AND FATHER MOTHER

- a. Relatives to accompany with ex political prisoner to be considered for US.country

No:	Full name	: D.O.B	: P.O.B	: Sex:	Relative:	Address
1	: NGUYEN THANH VINH	: Jan 1st 1930	: Vinh Yen	: M	:	: 46/2 Tran Binh Trong : P5.Q.Binh Thanh TP.HCM
2	: NGO DANG THI BINH	: Jul 28th 1934	: Hanoi	: F	: Wife	: -
3	: NGUYEN THI TUONG VY	: Dec 21st 1962	: Banmethuot	: F	: Daughter	: -
4	: NGUYEN THI DIEM VY	: Jan 1st 1970	: Saigon	: F	: -	: -
5	: NGUYEN THI TRA VY	: Apr 4th 1971	: -	: F	: -	: -
6	: NGUYEN THI ANH VY	: Apr 9th 1975	: -	: F	: -	: -
7	: NGUYEN PHAM DINH HUY	: Mar 3rd 1984	: -	: M	: Grand son	: -

- b. Complete family listing (Living/Dead) of ex political prisoner

No:	Relationship:	Full name	: L/D:	Address
1	: Father	: Nguyen xuan CHU	: D	: Ha Nam Ninh
2	: Mother	: Le thi THI	: D	: -
3	: Son	: NGUYEN THANH VINH	: L	: 46/2 Tran Binh Trong P5.Q.Binh Thanh TP.HCM
4	: Wife	: Ngo dang thi BINH	: L	: -
	Former wife	: None		
5	: Children	: Nguyen xuan VU	: L	: -
	-	: Nguyen thi TUONG VY	: L	: -
	-	: Nguyen thi DIEM VY	: L	: -
	-	: Nguyen thi TRA VY	: L	: -
	-	: Nguyen thi ANH VY	: L	: -
	-	: Nguyen xuan VUONG	: L	: Refugee camp: Phanat Nikhom Chonburi 20140 Thailand
	-	: Nguyen xuan VUONG	: L	: -
6	: Grand Son	: Nguyen Pham dinh HUY	: L	: 46/2 Tran Binh Trong P5.Q.Binh Thanh TP.HCM
4	-	: Nguyen vu PHUONG	: L	: 136/52 Van Kiep P3.Q.Binh Thanh TP.HCM
7	: Daughter in law	: Nguyen thi PHUONG	: L	: -
8	: Brother	: Nguyen xuan HAI	: L	: 79/7b Phan van Han I.17.Q.Binh Thanh TP.HCM
	: Sister	: Nguyen thi YEN	: L	: 2 Chien Thanh P9.Q.Phu NHUAN TP.HCM

III. RELATIVES OUTSIDE VIET NAM

a. Closest relatives in the US.

Of me

Of my wife

None

None

b. Closest relatives in other foreign countries

Of me and my wife

No: Full name Relationship: Address

1:-Nguyen xuan VIET : Son :Refugee camp:Phanat Nikhom Chonburi 20140 Thailand

2:-Nguyen xuan VUONG: - : -

IV. OVERSEA TRAINING PAID US GOVERNEMENT

1.-School and school address: The US Army Armor school Fort Knox Kentucky 40121

-Date: Jan 6th 1960 To Apr 26th 1960

-Description of course: A/CO.2 (Armor Company Officer Course)

2.-School and school address: The US Army Armor School Fort Knox Kentucky 40121

-Date: Feb 27th 1967 To Jul 11th 1967

-Description of course: A/AOC.3 (Associate Armor Officer Career Course)

V. US AWARDS AND DECORATIONS

None

VI. HAVE YOU SUBMITTED THE APPLICATION FOR FAMILY REUNIFICATION UNTIL NOW

I was sent one set of ODP documents to: The Director of ODP office at South Sathorn road 127 Panjabum Building Bangkok Thailand 10120. On date August 21st 1991. Until now I never received any L.O.I or IV from ODP office

VII. COMMENT AND REMARKS

I hereby respectfully request your kind assistance on my case and hope that you will interfere to me a IV from ODP office for complet my exit file

Please accept my sincere gratitude for your kind assistance in this matter with my best wishes

VIII. LIST OF DOCUMENTS ATTACHED TO THIS QUESTIONNAIRE

-1 Copy of Release certificate No.856/GRT Date:Oct 23rd 1984

-1 Copy of Diploma A/AOC.3 course

-1 Copy of Letter The Deputy Assistant Commandant The Armor School

-1 Copy the list of graduate A/CO.2

-1 Copy the list of graduate A/AOC.3

-7 Copies of Birth certificates for the persons listed above

-7 Photos of 7 persons listed above

-5 Copies of Identification card

-1 Copy of Marriage certificate

Signature



NGUYEN PHAN VINH

Former Lieutenant Colonel, Armor
Ex Political Prisoner in Viet Nam

NGUYEN THANH VINH

Cựu Trung tá, Thiết giáp QLVNCH.
Tù nhân Chính trị Việt Nam
Địa chỉ: 46/2 Trần Bình Trọng P.5
Q.Bình Thạnh TP.HCM Việt Nam

TP.HCM, Ngày: 12 - 9 - 1991

Kính gửi:

Bà KHUOC MINH THO

Chủ tịch

Hội Gia đình tù nhân chính trị Việt Nam
P.O.Box 5435, Arlington, VA.22205-0635

Thưa Bà,

Thật là hân hạnh cho gia đình chúng tôi.Được biết Tổ chức và Tôn chỉ của Hội. Do Bà làm Chủ tịch.

Xin trình bày tóm lược sơ yếu lý lịch của tôi:

Trung tá, Thiết đoàn trưởng Thiết giáp, QLVNCH. Đã chiến đấu đến ngày 30-4-1975, và ở lại đất nước.

Đã du học 2 khóa, Tại trường: The U.S.Army Armor school Fort Knox Kentucky 40121:

1. A/CO.2 - Từ Jan 6th 1960. Đến Apr 26th 1960 (Armor company office course)

2. A/AOC.3 - Từ Feb 27th 1967. Đến Jul 11th 1967 (Associate Armor officer career course)

Là một nạn nhân của chế độ :Xã Hội Chủ Nghĩa:

Từ 15-6-1975. Đến 23-10-1984 (9 năm 4 tháng 8 ngày). Bị lưu đầy qua các trại Tập trung cải tạo, Từ Thượng du Bắc Việt đến Châu thổ miền Nam, cộng thêm 1 năm quản chế (Từ 25-10-1984, đến 25-10-1985). Kèm theo Kì thị và Phân biệt đối xử của chế độ.

Rên gia đình chúng tôi gặp rất khó khăn trong đời sống hàng ngày.

Vì vậy chúng tôi nóng lòng mong đợi sự giúp đỡ của quý Hội. Để sớm có một môi trường sinh sống khả quan hơn.

Hiện gia đình chúng tôi đã hoàn tất hồ sơ :

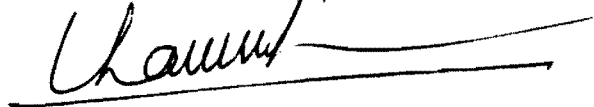
1. Xin xuất cảnh theo diện HO.Với Bộ nội vụ Chính phủ Việt Nam.
Chờ lấy Hộ chiếu (Exit permit)

2. Trả lời và gửi: Questionnaire for ex political prisoner in Vietnam, Đến : ODP office Panjabum building Bangkok 10120 Thailand. Ngày 12-9-1991

Trân trọng thỉnh cầu Quý Hội giúp đỡ chúng tôi. Để sớm có được: IV, L.O.I, và Sponsor. Bơ tức cho Toàn US.ODP interview team

Xin chân thành Cảm ơn Bà và Toàn thể nhân viên Ban Chấp Hành Trung Ương Hội.

Kính thư,



Nguyễn thanh Vinh

HỒ SƠ ĐIỀU KÈM:

- 1. Questionnaire for ex political prisoner in Vietnam
- 1. Copy of Release certificate No.856/GHT Date: 23rd Oct 1984
- 1. Copy of Diploma A/AOC.3
- 1. Copy of Letter The Deputy Assistant Commandant The Armor School
- 1. Copy the list of raduate A/CO.2
- 1. Copy the list of graduate A/AOC.3
- 7. Copies of Birth certificates
- 7. Photos
- 5. Copies of Identification card

From: NGUYEN THANH VINH
Former Lieutenant Colonel, Armor
Ex Political prisoner in VietNam
Address: 46/2 Tran Binh Trong P.5
Q.Binh Thanh TP.HCM. Vietnam

Q Y 4 M
xin lỗi - ĐV F. Đ. H. H.
Q. an lỗi và ch
h. - chuy. ch
T. n. liên Sp. 802

FIRST CLASS

To: Mrs KHUC MINH THO
President

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O.Box 5435, Arlington, VA 22205-0635

U.S.A

S. ch. T. n.

THE UNITED STATES ARMY ARMOR SCHOOL



Go all ways and see that presents greeting

Be it known that CAPTAIN NGUYEN THAM VINH ✓
having completed

US ARMY ARMOR SCHOOL
and having achieved the prescribed grade has been declared a
GRADUATE

In testimony Whereof, and by authority vested in us We do confer this

DIPLOMA

Given at Fort Knox, Kentucky this 11TH *day of* JULY 1967

J. B. Lach
Major General, U.S. Army
Adjutant General

James C. Foley
Major General, U.S. Army
Commandant



DEPARTMENT OF THE ARMY
HEADQUARTERS, U.S. ARMY ARMOR SCHOOL
FORT KNOX, KENTUCKY 40121-5200

December 18, 1989

SUBJECT: Student Records Request

Mr. Nguyen Than Vinh ✓
46/2 Tran Binh Trong
P.5 Q Binh Thanh
Ho Chi Minh City
VIETNAM

Dear Mr. Vinh

A search of our academic records verified your completion of the Associate Armor Officer Career Course (AAOC-3, graduated 11 July 1967). A duplicate diploma is enclosed. We were unable to verify information on the Armor Officer Course. Information on courses prior to 1964 is extremely limited, as these files were forwarded to the records storage facility in St. Louis many years ago. Requests for these records should be referred as follows:

General Services Administration
National Personnel Records Center
ATTN: Military Personnel Records
9700 Page Blvd
St Louis, Missouri 63132

I hope this information will be of assistance.

Sincerely,

Claude L. Clark
Colonel, Armor
Deputy Assistant Commandant

VIETNAM

(Country)

FOR OFFICIAL USE ONLY

97

NR.	RANK	NAME (In natural order)	COMPSE	PERIOD
	1st Lt	TRAN QUANG LY	A/Co 2	6 Jan 60-26 Apr 60
	1st Lt	HUYNH KIEU MAU	A/Co 2	6 Jan 60-26 Apr 60
	1st Lt	HONG NGOC MINH	A/Co 2	6 Jan 60-26 Apr 60
	1st Lt	HO VAN THE	A/Co 2	6 Jan 60-26 Apr 60
	1st Lt	THAI QUANG THUY	A/Co 2	6 Jan 60-26 Apr 60
	1st Lt	TRAN VAN TY	A/Co 2	6 Jan 60-26 Apr 60
	1st Lt	NGUYEN THANH VINH ✓	A/Co 2	6 Jan 60-26 Apr 60
	Maj	DUC DAT LE	Comm 2	6 Jan 60-15 Mar 60
	Capt	VAN TAO DNAG	Comm 2	6 Jan 60-15 Mar 60
	Capt	VAN GO DUONG	Comm 2	6 Jan 60-15 Mar 60
	Capt	CONG DINH VU	Comm 2	6 Jan 60-15 Mar 60
	1st Lt	TRAN LY HUNG	Comm 2	6 Jan 60-15 Mar 60
	1st Lt	CHAU VAN QUANG	Comm 2	6 Jan 60-15 Mar 60
	1st Lt	NGUYEN QUANG THANH	Comm 2	6 Jan 60-15 Mar 60
	1st Lt	TRUONG QUANG THUONG	Comm 2	6 Jan 60-15 Mar 60
	1st Lt	BUI LONG HAI	A/Adv 3	11 May 60- 8 Sep 60
	1st Lt	LE THIEN NGA	A/Adv 3	11 May 60- 8 Sep 60
	1st Lt	BUI NGUYEN NGAI	A/Adv 3	11 May 60- 8 Sep 60
	1st Lt	LE VAN NGOT	A/Adv 3	11 May 60- 8 Sep 60
	1st Lt	TRAN LY NO	Comm 2	6 Jan 60-15 Mar 60

FOR OFFICIAL USE ONLY

97

VIETNAM
(Country)

FOR OFFICIAL USE ONLY

NR.	RANK	NAME (In natural order)	COURSE	PERIOD
	H/Sgt	BA MAU PHAM	TWI 31	17 Mar 66- 4 May 66
	Sfc	NGO VAU TRINH	TWI 31	17 Mar 66- 4 May 66
	1st Lt	TRUNG HONG CAN	AOB 9	7 Apr 66- 7 Jun 66
	1st Lt	NGUYEN CONG VINH	AOB 9	7 Apr 66- 7 Jun 66
	2nd Lt	UGO DUC LAI	AOB 9	7 Apr 66- 7 Jun 66
	2nd Lt	HAI DINH THANH	AOB 9	7 Apr 66- 7 Jun 66
	Maj	PHAM DANG CHUONG	A/AOC 3	17 Feb 66- 30 Jun 66
	Maj	NGUYEN QUANG THANH	A/AOC 3	17 Feb 66-30 Jun 66
	Capt	NGUYEN DUC DUONG	A/AOC 3	17 Feb 66-30 Jun 66
	Capt	HOYNE VAN TAN	A/AOC 3	17 Feb 66-30 Jun 66
	Sfc	NGUYEN VAN BUNG	TWI 36	21 Apr 66- 9 Jun 66
	Sgt	VUONG BA THANH	CS 18	18 Apr 66-20 Jul 66
	Sgt	PHAM VAN LU	CS 18	18 Apr 66-20 Jul 66
	Capt	TRAN VAN NO	AAOC 2	15 Nov 66-14 Apr 67
	Capt	THAI MINH SON	AAOC 2	15 Nov 66-14 Apr 67
	Capt	HOYNE K. MAU	AAOC 3	27 Feb 67-11 Jul 67
✓	Capt	<u>NGUYEN THANH VINH</u>	<u>AAOC 3</u>	<u>27 Feb 67-11 Jul 67</u>
	Capt	NGUYEN VAN DO	AOB 5	7 Jan 67-10 Mar 67
✓	Capt	NGUYEN VAN LIEN	AOB 5	7 Jan 67-10 Mar 67
	2nd Lt	PHAM VAN MAC	AOB 6	7 Jan 67-10 Mar 67

FOR OFFICIAL USE ONLY

ACTE DE NAISSANCE .

Date et lieu de naissance : Le premier Janvier mil neuf
: cent trente . (I-I-1930)

Son sexe : Masculin .

Nom et prénoms de l'enfant : NGUYEN - THANH - VINH ✓

Nom et prénoms et domicile : NGUYEN - XUAN - CHU
de son père .

Nom et prénoms et domicile : LE - THI - THI
de sa mère .

Son rang de femme mariée : I er Rang .

Date de déclaration : Le Trois Janvier 1930 .

Nom et prénoms profession : Mr.le Dr. Malfre Médecin
et domicile du déclarant : Chef de l'Assistance à
: Vinh-Yên.

Le Déclarant:
Signé : illisible

L'Officier de l'Etat-civil
Signature et cachet

Nous soussigné NGUYEN-HUY-SINH
Greffier en Chef du Tribunal National
de 1 ère Instance de Hanoi, attestons
que la signature apposée ci-contre est
bien celle de M. LE - CON Interprète
assermenté en service audit Tribunal.
Hanoi le 20 Avril 1954

POUR TRADUCTION CONFORME.
Hà-nôi le 20 Avril 1954
LE TRADUCTEUR.



NGUYEN - HUY - SINH .

VILLE DE HANOI
Mairie de Hanoi

EXTRAIT
Du registre des actes de naissance de la résidence-Mairie
De Hanoi L'année 1934

No. 3650

ACTE DE NAISSANCE

De Ngô-Sông-Thị-Kính

Nom et Prénoms de l'Enfant :	Ngô-Sông-Thị-Kính
Tên họ của bé con :	
Sexe :	Féminin
Con gái hay con trai :	
Date de naissance :	Vingt huit Juillet 1934,
Ngày sinh tháng năm :	Tháng 7 năm 34
Lieu de naissance :	N° 40-Rue des Indes Hanoi
Nơi sinh :	
Nom et Prénoms du Père :	Ngô-Sông-Sông
Tên và họ người bố :	
La Profession :	Secrétaire Télégraphiste
Nghề nghiệp người bố :	
Don domicile :	Village de Yên-Pinh Hanoi
Nhà ở của người bố :	
Nom et Prénoms de la Mère :	Vu-Thị-Huân
Tên và họ người mẹ :	
Don rang d'épouse :	Premier rang
Vợ thứ mấy :	
La Profession :	Sans Profession
Nghề nghiệp người mẹ :	
Don domicile :	Village de Yên-Pinh Hanoi
Nhà ở của người mẹ :	
Date de la déclaration :	Prox 16/07 1934
Ngày khai :	
Nom du déclarant son âge :	
Tên người đăng khai :	
Tuổi người đăng khai :	
La Profession :	
Nghề nghiệp :	
Don domicile :	
Nhà ở :	
Nom et Prénoms du Témoin :	
Tên người làm chứng :	
Tuổi người làm chứng :	
Nhà ở :	

Số hộ: 39064

KHAI SANH

PHÂN TẠM

Thị-thực chủ hộ của đơn
Đại-liên xã Lạc-Giao đ. xã
Đat, ngày 31/12/1964



Thị-thực chủ hộ của đơn
Đại-liên xã Lạc-Giao đ. xã
Đat, ngày 31/12/1964



Tên, họ chính chủ:	Nguyễn Thị Tường Vy
Phối:	Nv
Sinh:	Ngày khai sinh một tháng mười hai năm một nghìn chín trăm sáu mươi hai (21.12.62)
Tên, họ, chữ đệm:	Lạc-Giao Banmưthut
Tại:	Nguyễn Thấn Vinh
Cha:	
Tuổi:	1930
Nghề-nghiệp:	Quản Nhân
Cư-trú tại:	KBC.4.012
Mẹ:	
Tuổi:	1934
Nghề-nghiệp:	Nội trợ
Cư-trú tại:	Trại Phan-Bồng KBC.4.012
Vợ:	///
Người khai:	Nguyễn Thấn Vinh
Tuổi:	1930
Nghề-nghiệp:	Quản Nhân
Cư-trú tại:	KBC.4.012
Ngày khai:	30 tháng 12 năm 1962
Người chứng thứ nhất:	Nguyễn Văn Chai
Tuổi:	1931
Nghề-nghiệp:	Quản Nhân
Cư-trú tại:	KBC.4.012
Người chứng thứ nhì:	Điếu-chúng-mạch-nhà-NĐ-canh-Bao-Ai Banmưthut
Tuổi:	///
Nghề-nghiệp:	///
Cư-trú tại:	Banmưthut

Làm tại Xã Lạc-Giao, ngày 31 tháng 12 năm 1962

Nguyễn Thấn Vinh



1- Nguyễn Văn Chai
2- Diếu-chúng-mạch-nhà-NĐ-canh-Bao-Ai Banmưthut

NHÀ VĂN NGHỆ TỊCH
NGUYỄN VĂN CHAI

ĐO-THÀNH SAIGON
ĐOÀ HẠNH-CHANH QUÂN 10

VIỆT NAM CỘNG-HÒA

TỈNH

ĐƠN SẠO LỤC BỐ SẠNH TẠI NHÀ

Năm 1970

Số hiệu 10

Miên phí Quan-Đoì

Tên họ đứa con nít	NGUYỄN THỊ DIỆM VY ✓
Nam hay nữ	NỮ
Sinh ngày nào	Ngày mốt tháng giêng năm mốt ngàn chín trăm bảy mươi hai 12/01/52
Sinh tại đâu	266 Nguyễn-văn-Thoại
Tên họ cha	NGUYỄN THANH VINH ✓
Cha làm nghề gì	Quan-nhan
Nhà cửa ở đâu	76/3, Trần-Bình-Trong
Tên họ mẹ	NGO DANG THI BINH
Mẹ làm nghề gì	Mại-tro
Nhà cửa ở đâu	76/3, Trần-Bình-Trong
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ-Chánh

Tại Sài-Gon ngày 02 tháng 01 năm 1970

NGƯỜI KHAI

HỘI VIÊN HỘI TỊCH
ký tên hoặc đóng dấu

NGƯỜI CHỨNG

1o

2o

TRỊCH LỤC Y BỘ ĐỜI

Sài-Gon ngày 07/01/1970

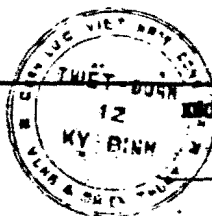
~~TRẦN VĂN THẠCH~~

~~TRẦN VĂN THẠCH~~

T/L. Quan-Trưởng Quan-10
(Ký tên và đóng dấu)

LE-NGOC-THACH

SAO Y BAN CHANH :



ĐỀ L. 100, ngày 29 tháng 04 năm 1971
Thiệt-Đuôn 12 Kỷ-Bình

TỈNH

GIÁ - DINH

TRƯỜNG Y BỒ DƯỠNG

PHU-NHUAN

Năm 1971

Số liên 510

Tên họ đứa con nít	NGUYEN THI TRA VI ✓
Nam hay nữ	Nữ
Sinh ngày nào	Ngày bốn tháng tư dương lịch năm một ngàn chín trăm bảy mươi một hai 20 giờ
Sinh tại đâu	Phu-Nhuan 220 Chi-Lang
Tên họ cha	NGUYEN THANH VINH ✓
Chức làm nghề gì	Quan-Nhan
Nhà cửa ở đâu	76/3 Tran-binh-Trong
Tên họ mẹ	NGO DANG THI BINH
Mẹ làm nghề gì	Nội trợ
Nhà cửa ở đâu	76/3 Tran-binh-Trong
Vợ chánh hay vợ thứ	Vợ Chánh

Tại _____ ngày _____ tháng _____ năm 19

NGƯỜI KHAI

HỌ TÊN HỘ KHẨU
Ký tên và đóng dấu

NGƯỜI CHỨNG

1a _____
2a _____

TRƯỞNG LỰC Y BỒ DƯỠNG

Phu-Nhuan ngày 13/04 - 71

Ủy ban Hành chính xã
Ủy ban y tế

TRẦN VĂN DANH
(Ký tên)

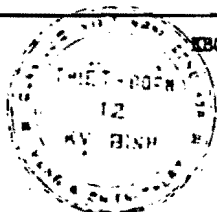
Kiểm tra:

Ka-Truong

NGUYEN THANH HUNG

(Ký tên và đóng dấu)

SAU Y BAN CHANH:



KBC.4.183, ngày 29 tháng 04 năm 1971

TRẦN VĂN DANH
(Ký tên)

VIỆT NAM CỘNG HÒA
ĐÔ THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

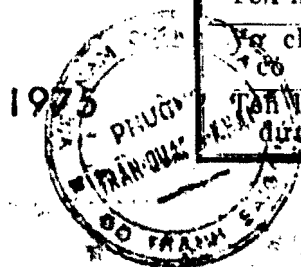
Quận: 1

Lập ngày 16 tháng 4 năm 1975

PHƯỜNG 10

Số hiện: 498

Tên họ đứa trẻ.	<u>Nguyễn thị Anh Vy</u>
Con trai hay con gái.	<u>Nữ</u>
Ngày sanh.	<u>Chín tháng tư năm một ngàn chín trăm bảy mươi lăm 75</u>
Nơi sanh.	<u>Saigon 89 Trần Quang Khải</u>
Tên họ người cha.	<u>Nguyễn Văn Vĩnh</u>
Tên họ người mẹ.	<u>Ngô Dung thị Bình</u>
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	<u>Vợ chánh</u>
Tên họ người đứng khai.	<u>Phạm thị Diệp</u>



TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 28 tháng 4 năm 75

T.6

Viên-Chức Hộ-Tịch, Vy

Trưởng Ủy ban Hộ tịch Văn phòng

ỦY BAN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Mẫu 3

Xã phường 5 BT

Số 71

Huyện, Quận

Quyển số

Tỉnh, Thành phố



GIẤY KHAI SINH

(BẢN SAO)

Họ và tên NGUYỄN PHẠM LINH LUY Nam hay nữ Nam

Ngày, tháng, năm sinh 16/3/1984

Nơi sinh TX. THANH QUANG

Dân tộc Quốc tịch

Phản khai về cha, mẹ	Người mẹ	Người cha
Họ và tên	<u>NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY</u>	<u>-/-</u>
Tuổi	<u>1962</u>	
Dân tộc	<u>Xinh</u>	
Quốc tịch	<u>VIỆT NAM</u>	
Nghề nghiệp	<u>on lon</u>	
Nơi thường trú	<u>46/2 Trần Bình Trọng 758</u>	

Họ tên, tuổi, nơi thường trú, số giấy chứng minh thư của người đứng khai

NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY

Đăng ký ngày 23 tháng 11 năm 19 84

Người đứng khai

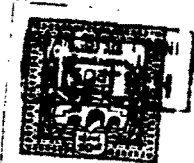
TM ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỨNG NHẬN SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày 15 tháng 08 năm 2000

TM UBND

đóng dấu



Linh
Nguyễn Văn Phan

Số hiệu: 48/HT

TRÍCH-LỤC
CHỨNG-THƯ HÔN-THU

Tên, họ người chồng: NGUYỄN THANH VINH
 nghề-nghiệp: QUẢN LÝ
 sinh ngày 01 tháng 01 năm 1930
 tại: TAM DUONG VINH YEN (BV)
 cư-sở tại: ///
 tạm-trú tại: KBC.4.912

Thi thục chu kỳ của Ông Đại-
 Diễn Xã Lạc-Giáo đã ký
 Ban hành ngày 20-5-1963



Tên, họ cha chồng: NGUYỄN XUÂN CHU (o)
 (Sống chết phải ghi rõ)
 Tên, họ mẹ chồng: LE THI THI (s)
 (Sống chết phải ghi rõ)
 Tên, họ người vợ: NGO DANG THI BINH
 nghề-nghiệp: BUON BÀN
 sinh ngày 28 tháng 8 năm 1934
 tại: HA NOI
 cư-sở tại: ///
 tạm-trú tại: BAN-THUỘT
 Tên, họ cha vợ: NGO DANG DONG (s)
 (Sống chết phải ghi rõ)
 Tên, họ mẹ vợ: VU THI HANG (s)
 (Sống chết phải ghi rõ)
 Ngày cưới: 20 tháng 5 năm 1963
 Vợ chồng khai có hay không lập hôn-thư: ///

Thi thục chu kỳ của Ông Hải
 Viên Xã Tỉnh Xã Lạc-Giáo đã ký
 Ban hành ngày 20/5/1963

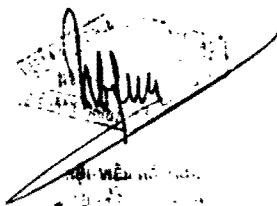


ngày /// tháng /// năm ///
 tại: ///

Trích y bản chính

LẠC GIÀO, ngày 20 tháng 5 năm 1963
 Viên-chức Hộ tịch,

Ông Nguyễn Thanh Vinh và Bà Ngô Dâng Thi Bình
 (Thi thục chu kỳ của Ông Đại-
 Diễn Xã Lạc-Giáo đã ký
 Ban hành ngày 20-5-1963)
 Ông Ngô Dâng Thi Bình và Bà Ngô Dâng Thi Bình
 (Thi thục chu kỳ của Ông Hải
 Viên Xã Tỉnh Xã Lạc-Giáo đã ký
 Ban hành ngày 20-5-1963)
 Ngày 21/12/62 tại xã Lạc-Giáo Ban-Thuột



PHOTOS THE RELATIVES TO ACCOMPAGNY WITH EX POLITICAL PRISONER
PRISONER TO BE CONSIDERED FOR US COUNTRY



NGUYEN THANH VINH
DOB. 1930



NGO ĐANG THI BINH
DOB. 1934



NGUYEN THI TUONG VY
DOB. 1962



NGUYEN THI DIEM VY
DOB. 1970



NGUYEN THI TRA VY
DOB. 1971



NGUYEN THI ANH VY
DOB. 1975



NGUYEN PHAM DINH HUY
DOB. 1984

THAY ĐỔI CHỖ Ở CẢ HỘ

Chứng nhân đã chuyển đến ở:

Chứng nhân đã chuyển đến ở:

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhân đã chuyển đến ở:

Chứng nhân đã chuyển đến ở:

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày .. tháng .. năm ..

Ký tên, đóng dấu

NHỮNG THAY ĐỔI KHÁC

Đã thay đổi ở 9 xóm
Sinh
Đã thay đổi ở 9 xóm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Số: 711590...CN

Họ và tên chủ hộ: Ngô Đình ghi Bùi

Ấp, ngõ, số nhà: 462

Thị trấn, đường phố: Trần Bình Trưng

Xã, phường: 05

Huyện, quận: Bình Thạnh

Ngày 12 tháng 03 năm 1982

Tướng lĩnh an
(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)



Phạm Văn Đức

Số NK 3:

NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	Nam hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cơ sở ĐKKK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
01	Nguyễn Văn B.	Chủ hộ	Nhũ	28.07.1930	02054546	Không hay tại nhà	21.10.1971		
02	Nguyễn Văn C.	Con	Nhũ	20.12.1961	020650925	Sở quản lý đô thị đất Sg	01.10.1971		
03	Nguyễn Văn D.	Con	Nhũ	31.12.1961	020300583	Văn phòng HTK Bình Minh	01.10.1971		
04	Nguyễn Văn E.	Con	Nhũ	16.03.1963	020894577	Học sinh	01.10.1976	Đã đi ở Mỹ do mẹ	
05	Nguyễn Văn F.	Con	Nhũ	14.10.1961	022274210	Ưt	01.10.1971	17.10.70	Hội GSĐ
06	Nguyễn Văn G.	Con	Nhũ	1.8.1970	023680554	Ưt	01.10.1971		
07	Nguyễn Văn H.	Con	Nhũ	4.4.1971	08366550	Ưt	01.10.1976		
08	Nguyễn Văn I.	Con	Nhũ	9.4.1975		Ưt	01.10.1971		
09	Nguyễn Văn J.	Con	Nhũ	5.5.74			10.11.1975		
10	Nguyễn Văn K.	Con	Nhũ	1970	072255131		01.11.1975		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 022255131

Họ tên: NGUYỄN THÂN VINH

Sinh ngày: 01-01-1930

Nguyên quán: Hà Nam Ninh

Nơi thường trú: 46/2 Trần Hưng
Trọng, P5, MT, Tp Hồ Chí Minh.

Dân tộc:

Khmer

Tôn giáo:

không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Tàn nhang, c.1cm trên
sau mồm phải.

Ngày 12 tháng 5 năm 1987

THAY MẶT ĐÓNG DẤU TRƯỞNG TỶ CÔNG AN

Chức

Võ Việt Chanh



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **020894376**

Họ tên **NGÔ ĐĂNG THỊ BÌNH**

Sinh ngày **28-7-1934**

Nguyên quán **Hà Sơn Bình.**

Nơi thường trú **46/2 Trần Bình
Trọng, B-T, TP. Hồ Chí Minh.**

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chàm c, lcm sau
đuôi mắt trái...

Ngày 03 tháng 4 năm 1979

TƯNG GIAM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
TRUTHO CÔNG AN Q. SÀI GÒN

Nguyễn Văn Sơn
Nguyễn Văn Sơn

NGÓN TRỎ TRÁI

NGÓN TRỎ PHẢI



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 020894585

Họ tên NGUYỄN THỊ TUƠNG VY

Sinh ngày 21-12-1962

Nguyên quán Hà Nam Ninh.

Nơi thường trú 46/2 Trần Bình-
Trọng, B-T, TP. Hồ Chí Minh.

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo tròn 0,3cm c, 1,5cm
sau cánh mũi trái.

Ngày 03 tháng 4 năm 1979

T. S. KIỂM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN
T. S. CÔNG AN Q. BÌNH THẠNH

Nguyễn Ngọc Sơn



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 1072/2010

Họ tên NGUYỄN THỊ DIỄM

Sinh ngày 01-01-1970

Nguyên quán H. Nam Ninh

Nơi thường trú 6/2 Trần Bình
Trọng, P.5, Q.5, TP. Hồ Chí Minh

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH

Một ruồi c. l. ca. dưới
sao gần mày trái

Ngày: tháng 1 năm 1989

ME/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TÝ CÔNG AN

Lâm Văn Chê

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 0245305

Họ tên NGUYỄN THỊ TRẦN TỶ

Sinh ngày 04/01/1971

Nguyên quán Hà Nam Ninh

Nơi thường trú 46/2 Trần

bình Trọng, 25, BT, TP. Chí Minh



Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

ĐẤU VÉY RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Một...ruồi...c. 2cm...dưới
sau...đầu...mặt...phải

Nghị...việc...1...năm...1989

KY/GIÁM ĐỐC TỔNG TRƯỞNG TY CÔNG AN

Lâm Văn Tiến

THE TRAVELERS AID SOCIETY OF WASHINGTON, D.C. INC.
512 - C Street, N.E.
Washington, D.C. 20002
Telephone: 202-546-3120
Member of American Council for Nationalities Service

ORDERLY DEPARTURE PROGRAM

DATE Dec. 24th, 1991

Your Name: Mr./~~Mrs./Miss~~ NGUYEN THANH NHA Phone (Home) _____
(Last) (Middle) (First) (Work) _____

Your Address: _____

Date of Birth: May 5, 1964 Place of Birth Viet Nam

Alien number A-25-171-946 or Naturalization Certificate
No. _____

Legal Status: Refugee _____ Parolee _____ Permanent Resident x
U.S. Citizen _____

THE FOLLOWING PERSONS LIVING IN VIET NAM WHO ARE KNOWN TO ME, MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S. AS A FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE, CLOSE ASSOCIATE TO THE U.S., OR AMERASIAN.

<u>NAME OF PRINCIPAL EMIGRANT</u>	<u>DATE/PLACE OF BIRTH</u>	<u>RELATION</u>	<u>ADDRESS IN VIET NAM</u>
NGUYEN THAN VINH	1930 VINH YEN	Friend	46/2 TRAN BINH TRONG, P.5, Q. BINH-
	VIETNAM		THANH, T/P. HO CHI MINH, VIETNAM

Number of close relatives accompanying Principal Emigrant: 06

<u>NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES</u>	<u>DATE/PLACE OF BIRTH</u>	<u>RELATIONSHIP TO P.A.</u>
<u>NGO DANG THI BINH</u>	07-28-34 VIETNAM	Wife
NGUYEN THI TUONG VY	12-21-62 VIETNAM	Daughter
NGUYEN THI DIEM VY	01-04-70 VIETNAM	" "
NGUYEN THI TRA VY	04-04-71 VIETNAM	" "
NGUYEN THI ANH VY	04-09-75 VIETNAM	" "
NGUYEN PHAM DINH HUY	1984 VIETNAM	Grand-son

DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION (of Emigrant)

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE

U.S. Government Agency N/A Last Title/Grade _____
Name/ Position of Supervisor _____/_____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION:

U.S. Company, Contractor, Agency, Organization or Foundation

N/A
Last Title /Grade _____ Name/Position of Supervisor _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT (Prior to 1975):

Ministry or Military Unit INFANTRY Last Title/Grade L. COLONEL
Name/ Position of Supervisor _____

Was time spent in re-education camp? Yes XX No _____ How Long _____
Years 09 Month 04

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP

School _____ Location _____
Type of Degree or Certificate _____

Dates of Employment or Training _____ To _____
Month/Year Month/Year

ASIAN-AMERICANS: Single _____ Married _____ Male _____ Female _____

Full name of Mother _____ Her age _____

Address: _____

Full name of the U.S. Citizen Father (if known) _____

Address _____

I Swear that the above information is true to the best of my knowledge.

Signature [Signature] Date 12-24-91

SUBSCRIBED AND SWORN BEFORE ME THIS 24th day of December, 1991

Signature of Notary Public [Signature]

My Commission expires February 1st, 1995

HOCHIMINH City, June 25, 1992

To: THE DIRECTOR,
Orderly Departure Program Office
127 Panjabhum Building
Sathorn Tai Road
Bangkok 10120 Thailand.

SUBJECT: Request for a reply of my RD case.

DEAR MADAM,

I, the undersigned: NGUYEN THANH VINH. Born on: January 1, 1930 at Vinh Phu Vietnam. Permanent residence address: 46/2 Tran Binh Trong P. 5 Q. Binh Thanh TP. Ho Chi Minh Vietnam.

I was in re-education camps: From June 15, 1975 to October 23, 1984 (9 years 4 months and 9 days) as a Lieutenant Colonel, military serial number: 50/300503. Occupation: 14th Cavalry Squadron Commander (ARVN South Vietnam Army).

Graduated from US Army Armor School Fort Knox Kentucky 40121-5200 USA:

1. Armor Officer Course. 2 (A/Co. 2) Apr 26, 1960.
2. Associate Armor Officer Career Course. 3 (AAOC. 3) Jul 11, 1967.

Beneficiary of Passport Nr. PT.41111/91^{DC1}. Dated: Oct 14, 1991 and Vietnam Interview List HO. 36 Dated Oct 19, 1991.

Now, I solicit you to consider my case as follows:

Since the end of May 1992, most of my comrades-in-arms, who had spent over 5 years or more in re-education camps as a result of the close association with the US policies and programs during the Vietnam war, have received a Notification sheet (Information sheet) sent by the Vietnam Immigration and Emigration Department informing them that their names are appeared on the selected lists numbered from RD 2 to RD 7. Some of them, shortly after, have also received another information sheet with their name (Including the number of accompanying) show on Vietnam Interview List HO. 15.

I am very anxious because up today, I have not obtained any of those sheets. I don't know what are the qualifications required to be put on these RD lists? In considering some of my friends who have in their hand the HO. 15 Interview list, I think I could benefit the same opportunity, because I was a field-grade officer served in military duty until the change of power of South VN in 1975, spent over 9 Years in re-education camps, and had been in the USA for: Armor Officer Course and Associate Armor officer Career Course. I am afraid that maybe there were some errors in the mailing

system of the Vietnam Post Office or any other mistake which could result a negative effect that any of the above mentioned sheets hadn't come to me yet. I report to you that I have forwarded to your office a Questionnaire for ODP applicants to be resettled in the USA under ODI on September 12, 1991 and the copies of all Passports of my family members plus a Notification sheet of Interview List HO. 36 on December 2, 1991.

Please give me a favor, MADAM, by examining my case and inform me as soon as possible so I will be able to arrange my living course.

In waiting with patience your favorable reply.

Please accept all my deep gratitude.

Respectfully yours,



NGUYEN THANH VINH

Included: (All photocopies)

1. Re-education release Certificate.
1. Notification Sheet HO. 36

Mailing address:

Mr. NGUYEN THANH VINH
So, 2 Chien Thang (Le huu Tu)
P. 9 Q. Phu Nhuan TP. HCM.
VIETNAM

Ô. NGUYEN-THAN-VINH
Cựu Trung-tá Thiết-giáp, QLVNCH
Tù-nhân Chính-trị Việt-nam

Địa-chỉ: 46/2 Trần-Bình-Trọng P. 5
Q. Bình-Thạnh TP. HCM Việt-nam

TP. HOCHIMINH, Ngày 2 - 2 - 1993

Kính-gửi:

BÀ CHỦ-TỊCH,
Hội Gia-đình Tù-nhân Chính-trị Việt-nam
P.O. Box 3435, Arlington, VA. 22205-0635

THƯA BÀ,

Tiếp theo thư đề ngày: 12-9-1991, gửi tới Quý Hội. Tôi và gia-đình đã được Hội quan-tâm và giúp đỡ cụ thể như sau:

Nhận được giấy báo làm Sponsor của:

Ô. NGUYEN-THANH-NHÀ

Address:

Telephone

Trong tập Hồ-sơ kèm theo thư kể trên. Tôi còn gửi thiếu:

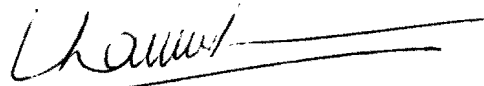
- Intake form (2 Copies)
- Political prisoner registration form (2 Copies)
- Giấy Báo tin HO. 36 Số 841/XC. Ký ngày 19-10-1991
(Của phòng Quản-lý người Việt-nam xuất-cảnh. Bộ-nội-vụ)
- Giấy ký nhận làm Sponsor của Ông Nguyễn-thanh-Nhà

Vì vậy, nay tôi bổ-túc. Để Quý Hội có đủ tư-liệu can thiệp với văn phòng ODP ở Bangkok Thailand. Cho gia-đình chúng tôi sớm được ra đi, theo danh sách RD dành cho những Tù-nhân chính-trị. Đã học-tập cải-tạo lâu năm và có du-học do chính-phủ Hoa-kỳ đài thọ (Xem thư gửi: THE DIRECTOR ODP, Bangkok Thailand, đính kèm). Nằm trong chương-trình HO qui-định. Như các bạn cùng trường hợp, đã được cứu-xét để đôn lên trong các danh-sách từ RD. 2 đến RD. 7. Hầu rút ngắn được thời-gian bị kỳ-thị và phân biệt đối xử, gây khó khăn và trở-ngại, trong công việc kiếm sống hàng ngày. Cho bản-thân và gia-đình.

Trong khi chờ-đợi thư hồi-đáp của Quý Hội.

Xin Chân-thành Cảm-ơn BÀ CHỦ-TỊCH và Toàn thể Hội-đồng Quản-Trị,
Ban Chấp-Hành Trung-Ướng Hội.

Kính thư,



NGUYEN-THAN-VINH

ĐÍNH KÈM:

- 6 Bản liệt-kê còn gửi thiếu kể trên.
- Thư gửi: THE DIRECTOR, ODP office Bangkok Thailand. (Photocopy)

Mailing address

Ô. NGUYEN-THAN-VINH
Số 2 Chiến-thắng (Lê-hữu-Tử)
P. 9 Q. Phú-Nhuận TP. HCM
VIETNAM

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. Box 5435, Arlington, VA 22205-0635. Telephone:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM

(Two copies)

IV: none

VEWL: none

I-171: none

EXIT VISA: yes

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM: NGUYEN - THANH - VINH
(Last) (Middle)(First)

Current address: 46/2 Tran-Binh-Trong P.5 Q. Binh-Thanh TP. HoChiMinh Vietnam

Date of birth: Jan 1, 1930. Place of birth: Vinh-Yen Vietnam

Previous occupation (Before 1975): Lt. Colonel, 14th Cavalry Squadron
Commander. Military SN: 50/300503 (ARVN South Vietnam Army)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP: Dates from June 15, 1975. To Oct 23, 1984.

3. SPONSOR'S NAME: Mr. NGUYEN-THANH-NHA

Address:

Phone (Home):

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

None

If you are eligible to file for the applicant under Category 1 of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN-THAN-VINH

Name of Dependent/Accompanying Relatives: Date of Birth: Relationship to PA.

- | | | |
|-------------------------|------------------|------------------------------------|
| 1. NGO DANG THAI BINH | :July 28, 1934 : | Wife |
| 2. NGUYEN THI TUONG VY | :Dec 21, 1962 : | Daughter |
| 3. NGUYEN THI DIEM VY | :Jan 1, 1970 : | - |
| 4. NGUYEN THI TRA VY | :Apr 4, 1971 : | - |
| 5. NGUYEN THI ANH VY | :Apr 9, 1975 : | - |
| 6. NGUYEN PHAM DINH HUY | :Mar 3, 1984 : | Grand son (Accompanied his mother) |

DEPENDENT'S ADDRESS: (If different from above)

Mailing address: Mr. NGUYEN THANH VINH
So, 2 Chien Thang (Le huu Tu)
P.9 Q. Phu Nhuan TP. HCM VIETNAM

ADDITIONAL INFORMATION:

Graduated from US Army Armor School Fort Knox Kentucky 40121-5200 USA:

1. Armor Officer Course. 2 (A/Co. 2) Apr 26, 1960.
2. Associate Armor Officer Career Course. 3 (AOC. 3) Jul 11, 1967.

Date Prepared: Ho Chi Minh City
Feb 2, 1993

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. Box 5435, Arlington, VA 22205-0635. Telephone:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two copies)

IV: none

VENI: none

I-171: none

EXIT VISA: yes

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM: NGUYEN - THANH - VINH
(last) (middle) (first)

Current address: 46/2 Tran-Binh-Trong P.9 Q. Binh-Thanh TP. HoChiMinh Vietnam

Date of birth: Jan 1, 1930. Place of birth: Vinh-Yen Vietnam

Previous occupation (Before 1975): Lt. Colonel, 14th Cavalry Squadron
Commander. Military SN: 50/300503 (ARVN South Vietnam Army)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP: Dates from June 15, 1975. To Oct 23, 1984.

3. SPONSOR'S NAME: Mr. NGUYEN-THANH-NHA

Address:

Phone (Home): 301-622-0206.

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

None

If you are eligible to file for the applicant under Category 1 of the ODF criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN-THANH-VINH

Name of Dependent/Accompanying Relatives: Date of Birth: Relationship to PA.

1. NGO BANG THI BICH	: July 20, 1954	: Wife
2. NGUYEN THI THUC VY	: Dec 22, 1962	: Daughter
3. NGUYEN THI BINH VY	: Jan 1, 1970	: -
4. NGUYEN THI TRA VY	: Apr 4, 1971	: -
5. NGUYEN THI ANH VY	: Apr 9, 1975	: -
6. NGUYEN PHAM DINH HUY	: Mar 3, 1984	: Grand son (Accompanied his mother)

DEPENDENT'S ADDRESS: (If different from above)

Mailing address: Mr. NGUYEN THANH VINH
30, 2 Chien Thang (Lo huu Tu)
P.9 Q. Phu Nhuan TP. HC: VINH NAM

ADDITIONAL INFORMATION:

Graduated from US Army Armor School Fort Knox Kentucky 40121-1200 USA:

1. Armor Officer Course. 2 (A/Co. 2) Apr 20, 1960.
2. Associate Armor Officer Career Course. 5 (AACC. 5) Jul 12, 1967.

Date prepared: HoChiMinh City,
Feb 2, 1993

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. Box 5435, Arlington, VA 22205-0635. Telephone:

INTAKE FORM (Two copies)

NAME : NGUYEN - THANH - VINH
(Last) (Middle) (First)

DATE, PLACE OF BIRTH : Jan 1, 1950. PLACE: Vinh Yen

SEX : Male

MARITAL STATUS : Married

ADDRESS IN VIETNAM : 46/2 Tran Binh Trong P.9 Q.Binh Thanh TP.HO CHI MINH

POLITICAL PRISONER : Yes. From: Jun 15, 1975 To: Oct 23, 1984

PLACE OF RE-EDUCATION CAMP: THU-DUC Camp. (Z. 30D)

PROFESSION : Military service in the ARVN (South Vietnam Army)

EDUCATION IN US. : Graduated from US Army Armor School Fort Knox
Kentucky 40121-5200 USA :
1. Armor Officer Course. 2 (A/Co. 2) Apr 26, 1960.
2. Associate Armor Officer Career Course. 3 (AAOC. 3) Jul 11, 1967.

VN. ARMY RANK, POSITION: Lt. Colonel, 14th Cavalry Squadron Commander,
Military SN: 50/300503 (ARVN South Vietnam Army)

APPLICATION FOR O.D.P. : Yes IV Number: Not yet

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: Six (6)

MAILING ADDRESS IN VIETNAM: Mr, NGUYEN THANH VINH
So, 2 Chien Thang (Le Huu Tu)
P.9 Q.Phu Nhuan TP. HOCHIMINH VIETNAM

NAME, ADDRESS OF SPONSOR: Mr, NGUYEN THANH NHA
Address:
Telephone (Home) : 301-622-0206.

U.S. CITIZEN : N/A

RELATIONSHIP WITH PRISONER : Friend

NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN THANH VINH

Name of Dependent/Accompanying Relatives: Date of Birth: Relationship to PA.

1. NGO DANG THI BINH	: July 28, 1934 :	Wife
2. NGUYEN THI TUONG VY	: Dec 21, 1962 :	Daughter
3. NGUYEN THI DIEM VY	: Jan 1, 1970 :	-
4. NGUYEN THI TRA VY	: Apr 4, 1971 :	-
5. NGUYEN THI ANH VY	: Apr 9, 1975 :	-
6. NGUYEN PHAM DINH HUY	: Mar 3, 1984 :	Grand son (Accompanied his mother)

DEPENDENT'S ADDRESS: (If different from above) N/A

ADDITIONAL INFORMATION: N/A

NAME AND SIGNATURE: NGUYEN THANH VINH, 

ADDRESS OF INFORMANT: Mr. NGUYEN THANH VINH
So 2 Chien Thang (Le huu Tu)
P.9 Q.Phu Nhuan TP.HOCHIMINH VIETNAM

DATE : HOCHIMINH City, Feb 2, 1993

HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM

Families of Vietnamese Political Prisoners Association
P.O. Box 5435, Arlington, VA 22205-0635. Telephone: '

INTAKE FORM (Two copies)

NAME : NGUYEN - THANH - VINH
(last) (Middle)(first)
DATE, PLACE OF BIRTH : Jan 1, 1950. PLACE: Vinh Yen
SEX : Male
MARITAL STATUS : Married
ADDRESS IN VIETNAM : 46/2 Tran Binh Trong P.3 . Binh Thanh TP. HO CHI MINH
POLITICAL PRISONER : Yes. From: Jun 15, 1975 To: Oct 25, 1984
PLACE OF RE-EDUCATION CAMP: THU-DUC Camp. (L. 30D)
OCCUPATION : Military service in the ARVN (South Vietnam Army)
EDUCATION IN U.S. : Graduated from US Army Armor School Fort Knox
Kentucky 40121-5200 USA :
1. Armor Officer Course. 2 (A/Co. 2) Apr 26, 1960.
2. Associate Armor Officer Career Course. 3 (AACC. 3) Jul 11, 1967.
VN. ARMY RANK, POSITION: Lt. Colonel, 14th Cavalry Squadron Commander,
Military SN: 10/300503 (ARVN South Vietnam Army)
IMPRISONMENT FOR C.D.F. : Yes IV Number: Not yet
NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING: Six (6)
MAILING ADDRESS IN VIETNAM: Mr. NGUYEN THANH VINH
So. 2 Chien Thang (Le Huu Tu)
P.3 . Phu Nhuan TP. HOCHIMINH VIETNAM
NAME, ADDRESS OF SPONSOR: Mr. NGUYEN THANH VINH
Address:
Telephone (Home) : 501-622-0206.
U.S. CITIZEN : N/A
RELATIONSHIP WITH PRISONER : Friend
NAME OF PRINCIPAL INFORMANT (PI): NGUYEN THANH VINH

Name of Dependent/Accompanying Relatives: Date of Birth: Relationship to PI.

1. NGO DANG THI BINH	: July 18, 1954 :	Wife
2. NGUYEN THI THUONG VY	: Dec 21, 1962 :	Daughter
3. NGUYEN THI DIEM VY	: Jan 1, 1970 :	-
4. NGUYEN THI TRA VY	: Apr 4, 1971 :	-
5. NGUYEN THI ANH VY	: Apr 9, 1975 :	-
6. NGUYEN THANH BINH HUY	: Mar 3, 1984 :	Grand son (accompanied his mother)

DEPENDENT'S ADDRESS: (If different from above) N/A

ADDITIONAL INFORMATION: N/A

NAME AND SIGNATURE: NGUYEN THANH VINH,

ADDRESS OF INFORMANT:

Mr. NGUYEN THANH VINH
So 2 Chien Thang (Le Huu Tu)
P.3 . Phu Nhuan TP. HOCHIMINH VIETNAM.

DATE : HOCHIMINH City, Feb 2, 1993

NGUYEN MINH TANH
c/o Nguyen Thu Ha



To: FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION
P.O. Box 5435, Arlington, VA 22205-0635.

U.S.A.



PAR AVION VIA AIR MAIL



16069
HCH
9/17
27/10

BỘ NỘI VỤ
CỤC QUẢN LÝ X.N.C

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ... 841 ... /XC

GIẤY BẢO TIN

Kính gửi: Ông Nguyễn Thành Vinh

Hiện ở: 46/2 Trần Bình Trọng, F5, Quận Bình Thạnh, Tp. Hồ Chí Minh.

1/ Chúng tôi đồng ý cho ông cùng ... 6 ... người trong gia đình được phép xuất cảnh đến nước Mỹ.

2/ Về việc cấp hộ chiếu: chúng tôi đã cấp ... 6 ... hộ chiếu cho gia đình, số:

4M11 đến số 4M21 / 91 Đ.

(Quả kèm theo)

3/ Chúng tôi đã lên danh sách số H236, chuyển Bộ Ngoại giao để chuyển chính phủ Mỹ bố trí tiếp xúc phỏng vấn và xét nhập cảnh.

Nếu gia đình cần biết thời gian phỏng vấn tiếp xúc và kết quả xét duyệt nhập cảnh xin liên hệ với chính phủ Mỹ.

Xin thông báo để ông yên tâm.

Hà Nội, ngày 12 tháng 10 / 1994.

TRƯỞNG PHÒNG X.N.C



Lê Thị Quên.